

UBND XÃ GIAO MINH  
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIAO THIỆN  
Số: 93 /KH-THGT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Giao Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2025

## **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG** **Năm học 2025 – 2026**

### **I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa;*

*Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;*

*Căn cứ Công văn 4555/BGDĐT- GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;*

*Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 5/8/2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo Về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;*

*Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;*

*Căn cứ kết quả đạt được của nhà trường năm học 2024 – 2025.*

*Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, trường Tiểu học Giao Thiện xây dựng Kế hoạch Giáo dục năm học 2025 – 2026 như sau:*

### **II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026**

#### **1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Trường tiểu học Giao Thiện trước đây có trụ sở chính đặt tại xóm 4 xã Giao Thiện và trực thuộc UBND huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định, khi mô hình chính

quyển địa phương 2 cấp được vận hành trường trực thuộc UBND xã Giao Minh tỉnh Ninh Bình.

Xã Giao Minh được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 3 xã (Giao Thiện, Giao Hương, Giao Thanh của huyện Giao Thủy cũ) theo Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Là xã thuần nông nằm cách trung tâm tỉnh 90 km về phía Đông, có tổng diện tích tự nhiên là 27,74 km<sup>2</sup>. Tổng dân số là 29016 người được phân chia thành 21 cơ sở xóm, có 37 chi bộ đảng với trên 850 đảng viên. Tôn giáo gồm 2 tôn giáo chính là đạo Phật và đạo Công giáo, có trên 51% số dân theo đạo Công giáo.

Xã Giao Minh có địa bàn bằng phẳng với vị trí phía Đông giáp biển Đông, phía bắc giáp tỉnh Hưng Yên, phía Tây và nam giáp với xã Giao Hoà nên rất thuận lợi cho việc giao lưu và phát triển kinh tế - văn hoá xã hội cũng như việc đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp cùng các ngành nghề khác.

Dân cư trên địa bàn sống bằng nhiều ngành nghề: trồng lúa, đánh cá, nuôi trồng thủy hải sản, kinh doanh ....

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy - UBND xã Giao Minh, sự phối hợp của các cơ quan trong xã; Cán bộ và nhân dân xã Giao Minh đã bám sát vào Nghị quyết của BCH Đảng bộ, Nghị quyết của HĐND xã, đoàn kết khắc phục khó khăn hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội hàng năm: 3 Xã cũ đã về đích xây dựng nông thôn mới năm 2017, đạt nông thôn mới nâng cao năm 2021 và đang xây dựng nông thôn mới nâng cao kiểu mẫu.

Tình hình an ninh, chính trị luôn ổn định tạo điều kiện tốt cho sự nghiệp giáo dục phát triển.

Đảng ủy, chính quyền địa phương đã hiểu sâu sắc về tầm quan trọng của phong trào giáo dục của địa phương, đã quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho việc dạy và học trong nhà trường.

Đa số các bậc phụ huynh đã thực sự hiểu hết tầm quan trọng của việc cho con em mình đi học, đã quan tâm chu đáo về ăn mặc, sách vở, dụng cụ học tập khi con em đến trường. Tuy nhiên do điều kiện làm ăn, sinh sống cũng dẫn đến việc học sinh chuyển đi, chuyển đến diễn ra thường xuyên nên cũng gây khó khăn cho các nhà trường trong việc quản lý học sinh và hành tự đồng bộ các loại hồ sơ sổ sách.

Đời sống nhân dân trong xã có một số ít còn gặp khó khăn. Một số gia đình đi làm kinh tế ở xa, gửi con ở nhà cho ông bà hoặc cô dì chú bác chăm sóc, không có điều kiện quan tâm trực tiếp đến việc học tập của con mình.

Đến nay, được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, sự quan tâm, hợp tác của hội cha mẹ học sinh, sự giúp đỡ của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, sự lãnh đạo tâm huyết của cán bộ quản lý, sự nhiệt tình trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và sự nỗ lực phấn đấu của các em học sinh, nhà trường đã từng bước vượt qua khó khăn, hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục. Nhà trường đang từng bước trưởng thành và phát triển bền vững.

## 2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 - 2026

### 2.1. Đặc điểm học sinh của trường

*Khái quát về tình hình học sinh của nhà trường, trong đó có số liệu đối với mỗi khối lớp như: số lớp; tổng số học sinh; số lượng về học sinh nữ; học sinh dân tộc; học sinh được học 2 buổi/ngày; học sinh khuyết tật; học sinh có hoàn cảnh khó khăn; học sinh bán trú; tỉ lệ học sinh/lớp;*

Trong năm học 2025–2026 (thời điểm 25/8) toàn trường có 811 học sinh và được chia thành 25 lớp. Cụ thể trong đó được biên chế theo từng khu như sau:

| Khối        | Số lớp    | Số HS      | Nữ         | HSK T    | Tỉ lệ HS/lớp | HS học 2 b/ngày | HS bán trú | HS Dân tộc | Ghi chú |
|-------------|-----------|------------|------------|----------|--------------|-----------------|------------|------------|---------|
| 1           | 5         | 157        | 78         |          | 31,4         | 158             |            |            |         |
| 2           | 5         | 171        | 75         | 2        | 34,2         | 174             |            |            |         |
| 3           | 5         | 166        | 85         |          | 33,2         | 167             |            | 2          |         |
| 4           | 5         | 154        | 79         | 3        | 30,8         | 154             |            |            |         |
| 5           | 5         | 163        | 96         | 1        | 32,6         | 163             |            |            |         |
| <b>Cộng</b> | <b>25</b> | <b>811</b> | <b>413</b> | <b>6</b> | <b>32,4</b>  | <b>811</b>      |            | 2          |         |

Chia theo khu

| Khối        | Tổng      |            | Khu A     |            | Khu B     |            |
|-------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|
|             | Số lớp    | Số HS      | Số lớp    | Số HS      | Số lớp    | Số HS      |
| 1           | 5         | 157        | 3         | 97         | 2         | 60         |
| 2           | 5         | 171        | 3         | 104        | 2         | 67         |
| 3           | 5         | 166        | 3         | 105        | 2         | 61         |
| 4           | 5         | 154        | 3         | 92         | 2         | 62         |
| 5           | 5         | 163        | 3         | 106        | 2         | 57         |
| <b>Cộng</b> | <b>25</b> | <b>811</b> | <b>15</b> | <b>504</b> | <b>10</b> | <b>307</b> |

### 2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:

Khái quát về tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý, trong đó có số liệu về tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên; tỉ lệ nữ; tỉ lệ giáo viên/lớp; số lượng theo trình độ đào tạo (tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, dưới cao đẳng).

| Tổng Số | CBQL |     | Giáo viên |         |    |    |    |     |    | Nhân viên |    |      |        |   |
|---------|------|-----|-----------|---------|----|----|----|-----|----|-----------|----|------|--------|---|
|         |      |     | Tổng      | Chia ra |    |    |    |     |    | Tổng Số   | KT | Y tế | T.viện |   |
|         | HT   | PHT |           | VH      | ÂN | MT | TD | Tin | TA |           |    |      |        |   |
| 42      | 1    | 2   | 36        | 26      | 2  | 2  | 2  | 2   | 2  | 2         | 3  | 1    | 1      | 1 |

Trong đó: Nam: 3 đ/c Nữ: 39 đ/c

(Đại học: 39; Cao đẳng: 2 đ/c ( 1Gv, 01 nhân viên), Trung cấp: 1 đ/c (1 nhân viên). Trong đó có: 1 giáo viên đang học Thạc sỹ. (có 1 giáo viên không tham gia học đại học vì sinh từ 1970 trở về trước).

Độ tuổi: Cao nhất: 60 tuổi; thấp nhất: 24 tuổi

**2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú.**

- Tổng diện tích đất toàn trường: 12.171m<sup>2</sup>

+ Khu A: 5.699,1m<sup>2</sup>

+ Khu B: 6.471,9m<sup>2</sup>

+ Khoảng cách giữa các khu khoảng 2km.

- Số phòng được phân chia cụ thể như sau:

| Tổng số Phòng | Chia ra |                |       |    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|---------------|---------|----------------|-------|----|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|               | P học   | Các phòng khác |       |    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|               |         | HT             | P. HT | VP | Độ i | TV | AN | MT | TH | CN | AV | YT | KT | TB | ĐN | BV |
|               | 55      | 25             | 1     | 2  | 2    | 2  | 2  | 2  | 2  | 2  | 2  | 2  | 2  | 2  | 1  | 2  |
| Khu A         | 30      | 15             | 1     | 1  | 1    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |
| Khu B         | 25      | 10             | 1     | 1  | 1    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |

+ Nhà để xe: 04 (GV, HS) (Chia đều cho các khu)

+ Nhà vệ sinh: 04 (GV, HS) (Chia đều cho các khu)

### 3. Đánh giá chung về tình hình nhà trường trong năm học 2025 - 2026

#### 3.1. Điểm mạnh

+ Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ II , Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn, kiểm định chất lượng mức 3, thư viện tiên tiến.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo mức tối thiểu;

+ Đội ngũ CB-GV-CNV đoàn kết, nhiệt tình, năng động, tâm huyết cầu tiến, có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ đào tạo đạt và vượt chuẩn quy định đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới GDPT.

+ Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Sở GD&ĐT Ninh Bình, Đảng ủy, HĐND - UBND xã Giao Minh.

+ Đội ngũ GV và cán bộ quản lý của nhà trường: Tổng số 42 người trong đó:

- CBQL: 03 người đều có trình độ Đại học và có trình độ trung cấp chính trị. BGH luôn nhiệt tình, năng động sáng tạo trong cách chỉ đạo các hoạt động. .

- Giáo viên: 36 GV/25 lớp, tỷ lệ: 1,44 GV/lớp; Đại học: 35 đ/c, Cao đẳng: 1 đ/c. Đội ngũ nhiệt tình, đoàn kết, luôn có ý thức chăm lo chất lượng học sinh.

+ Học sinh: Tổng số học sinh: 811 em. Có 06 học sinh khuyết tật học hòa nhập; 100% học sinh ngoan; tỷ lệ học sinh trên lớp bình quân 32 em/lớp.

+ Tài chính, CSVC, TBDH của nhà trường.

- Phòng học: đủ 1 phòng/1 lớp. bàn ghế đúng chuẩn.

- Nhà trường sử dụng hợp lý ngân sách trên chi cho các hoạt động chuyên môn, tăng cường CSVC.

- Hàng năm nhà trường làm tốt công tác vận động tài trợ giáo dục bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy học.

### **3.2. Điểm yếu**

Dãy phòng học quay hướng tây, khu vệ sinh ở khu B đã được xây dựng trong nhiều năm nên nhiều hạng mục đang dần xuống cấp không đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu dạy và học.

Đội ngũ giáo viên chưa đồng bộ, còn thiếu về số lượng (Đang thiếu 1 GV dạy Tiếng anh). Nhiều GV nhà ở xa trường nên việc đi lại cũng gặp nhiều khó khăn.

Đội ngũ GV lâu năm sắp đến tuổi về hưu nên trong những năm tới sẽ càng thiếu hụt nhiều về nhân sự (có 1 GV nghỉ hưu Tháng 11/ 2025). GV trong độ tuổi sinh con nhiều ( dự kiến có 04 GV nghỉ sinh con vào đầu tháng 1/2026).

#### **\* Giáo viên**

- Có 1/36 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo Đại học theo Luật giáo dục 2018; (giáo viên không tham gia học đại học vì sinh từ 1970 trở về trước).

- Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa đồng đều; việc tự học, tự rèn của một số giáo viên chưa hiệu quả, chưa sáng tạo trong công việc, đổi mới phương pháp dạy học chưa rõ nét.

#### **\* Học sinh:**

- Có 06 học sinh Khuyết tật gặp khó khăn trong học tập hạn chế một số kỹ năng như tự kỷ, vận động, trí tuệ không bình thường, mặc dầu nhà trường dùng nhiều biện pháp nhưng mức độ nhận thức của các em khó cải thiện.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo chiếm cao, gia đình có bố mẹ ly thân hoặc ly hôn nhiều, một số CMHS đi làm ăn xa gửi con cho ông bà nuôi nên CMHS không quan tâm, chỉ phó mặc cho nhà trường.

\* Tài chính, CSVC, TBDH của nhà trường

- Ngân sách được cấp còn hạn chế;

- Đầu năm học nhà trường còn thiếu trang thiết bị ở 1 số phòng học, phòng chức năng, nhà trường đã trình UBND xã để hoàn thiện và sẽ đưa vào sử dụng đầu tháng 9/2025;

#### **4. Thời cơ và thách thức**

##### **4.1. Thời cơ**

Năm học 2025 - 2026 là năm học đầu tiên thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Giao Minh lần thứ nhất là năm học đầu tiên đặt nền móng cho việc thực hiện các mục tiêu mà đại hội Đảng bộ xã lần thứ nhất đề ra. Các nghị quyết của Đảng, chỉ thị của nhà nước về công tác giáo dục luôn khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn dân. Đảng và Nhà nước tiếp tục dành sự ưu tiên cho giáo dục, không những thể hiện ở những chính sách đầu tư mà còn ở sự lãnh đạo trực tiếp luôn quan tâm chỉ đạo các mặt hoạt động. Đây là điều kiên tiên quyết cho sự phát triển giáo dục. Cơ chế, chính sách pháp luật ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện cho trường chủ động thực hiện kế hoạch và hoàn thành nhiệm vụ.

Sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, hội khuyến học với sự nghiệp giáo dục của trường ngày càng sâu sắc, thiết thực cả về vật chất và tinh thần góp phần rất lớn tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện việc chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục. Trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo đảng, chính quyền địa phương, sự đồng thuận của tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, sự tin nhiệm của học sinh và cha mẹ học sinh.

Phong trào xây dựng nông thôn mới phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng văn hóa nhà trường và việc phối hợp ba môi trường để giáo dục học sinh.

Ban đại diện CMHS quan tâm và ủng hộ các phong trào của nhà trường. Quan hệ giữa CB-GV-CNV với cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể tại địa phương rất tốt góp phần thuận lợi cho nhà trường hoàn thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm.

Đội ngũ cán bộ GV được đào tạo cơ bản có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm Khá Tốt, đa số GV thành thạo trong việc soạn giảng giáo án điện tử, nhiệt tình và có trách nhiệm cao với công việc.

Công nghệ thông tin và các công nghệ khác không ngừng phát triển với các phần mềm tiện ích hỗ trợ cho việc quản lý và dạy học ngày càng tốt hơn. Phương tiện thông tin ngày càng mở rộng giúp cho giáo viên và học sinh tiếp thu phát triển kiến thức.

Đời sống người dân trên địa bàn xã ngày một nâng lên, vì vậy ngày càng quan tâm chăm lo đến sự nghiệp giáo dục.

#### **4.2. Thách thức**

Cơ sở vật chất và điều kiện dạy học theo Thông tư 13/2020 và Thông tư 14/2020 của BGDĐT chưa đáp ứng hết được.

Sự bùng nổ của công nghệ thông tin góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng dạy học nhưng mặt trái của nó sẽ ảnh hưởng không tốt tới việc giáo dục đạo đức học sinh nếu không có các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn.

Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đã làm thay đổi thế giới, các nước phát triển đang hướng tới xây dựng “xã hội thông minh” nhờ sức mạnh trí tuệ nhân tạo. Đòi hỏi ngành giáo dục phải áp dụng sự tiến bộ của khoa học công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu làm chủ khoa học công nghệ. Từ đó đặt ra vấn đề yêu cầu về số lượng đội ngũ và trình độ năng lực của đội ngũ ngày càng cao để áp dụng những phương pháp dạy học mới, phương tiện dạy học hiện đại để học sinh chiếm lĩnh tri thức một cách dễ dàng nhất, đầy đủ nhất và kịp thời nhất. Thực tế việc điều động, phân bổ giáo viên về cho trường của cấp trên chưa đáp ứng được đủ về số lượng và chủng loại giáo viên.

Xã hội ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Giáo dục học sinh không chỉ phụ thuộc nhà trường mà là trách nhiệm giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Sự quan tâm, hợp tác với nhà trường của CMHS không đồng đều nên ảnh hưởng đến việc giáo dục học sinh. Một số phụ huynh còn phó mặc cho nhà trường, chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục, rèn luyện học sinh.

Là năm học đầu tiên vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bỏ cấp huyện đồng nghĩa với việc không còn Phòng Giáo dục và đào tạo cấp huyện, việc chỉ đạo chuyên môn trực tiếp từ Sở Giáo dục và Đào tạo nên có nhiều bất ngờ và đôi lúc chưa thông suốt và kịp thời.

### **III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025 - 2026.**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018).

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; tham mưu với cấp trên để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và dạy-học; đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tổ (nhóm), trường, cụm trường, khả năng sáng tạo của giáo viên, thực hiện tốt văn hóa công sở.

- Thực hiện tốt việc tổ chức dạy học 02 buổi/ngày; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân cho học sinh, gắn giáo dục tri thức, đạo đức với giáo dục truyền thống văn hóa, giáo dục thể chất; rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống.

- Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục, thực hiện hiệu quả giáo dục hoà nhập cho học sinh.

- Tăng cường an ninh, an toàn trường học, tích cực phòng, chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục.

## **2. Chỉ tiêu cụ thể**

- 100 % học sinh được học 2 buổi/ngày, HS khối 1,2 được học môn tự chọn Tiếng Anh.

- 100% học sinh biết yêu thương đoàn kết, biết giúp đỡ bạn bè, biết chăm sóc môi trường xanh, sạch đẹp và có các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

- 75% trở lên học sinh được khen thưởng cấp trường.

- Tham gia các cuộc thi, giao lưu các cấp và xếp loại tốt trở lên.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho 06 học sinh khuyết tật của trường, 100% học sinh khó khăn về học được hỗ trợ để học tập đạt yêu cầu.

- Tổ chức đầy đủ các tiết hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

- Huy động trẻ 6 tuổi (sinh 2019) diện phổ cập vào lớp 1: 100%

- Thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018 .

- Giữ vững các tiêu chuẩn Trường Tiểu học đạt chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn, chuẩn Quốc gia mức 2 , kiểm định chất lượng mức độ 3, trường có thư viện tiên tiến.

- Củng cố, duy trì các điều kiện PCGD-XMC mức độ 3.

### 2.1. Chỉ tiêu chất lượng môn học và hoạt động giáo dục

Tổng 811 em (Có 06 em khuyết tật, cả 06 em được tham gia đánh giá theo sự tiên bộ của trẻ)

| Tổng số HS           |          | Khối 1   |               | Khối 2   |               | Khối 3   |            | Khối 4   |            | Khối 5   |            |
|----------------------|----------|----------|---------------|----------|---------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------|
| 811                  |          | 157      |               | 171      |               | 166      |            | 154      |            | 163      |            |
| Môn học/<br>HĐGD     |          | Số<br>HS | Tỉ<br>lệ<br>% | Số<br>HS | Tỉ<br>lệ<br>% | Số<br>HS | Tỉ lệ<br>% | Số<br>HS | Tỉ lệ<br>% | Số<br>HS | Tỉ<br>lệ % |
| <i>TV</i>            | <b>T</b> | 130      | 82,8          | 136      | 79,5          | 125      | 75,3       | 108      | 70,1       | 110      | 67,5       |
|                      | <b>H</b> | 27       | 17,2          | 35       | 20,5          | 41       | 24,7       | 46       | 29,9       | 53       | 32,5       |
|                      | <b>C</b> | 0        | 0             | 0        | 0             | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          |
| <i>Toán</i>          | <b>T</b> | 134      | 85,4          | 134      | 78,4          | 125      | 75,3       | 100      | 65         | 103      | 63,2       |
|                      | <b>H</b> | 23       | 14,6          | 37       | 21,6          | 41       | 24,7       | 54       | 35         | 60       | 36,8       |
|                      | <b>C</b> | 0        | 0             | 0        | 0             | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          |
| <i>HĐTN</i>          | <b>T</b> | 143      | 91,1          | 158      | 92,3          | 145      | 87,3       | 138      | 89,6       | 143      | 87,7       |
|                      | <b>H</b> | 14       | 8,9           | 13       | 7,7           | 21       | 12,7       | 16       | 10,4       | 20       | 12,3       |
|                      | <b>C</b> | 0        | 0             | 0        | 0             | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          |
| <i>TNXH<br/>/KH</i>  | <b>T</b> | 143      | 91,1          | 152      | 88,9          | 144      | 86,7       | 119      | 77,3       | 140      | 85,9       |
|                      | <b>H</b> | 14       | 8,9           | 14       | 11,1          | 22       | 13,3       | 35       | 22,7       | 23       | 14,1       |
|                      | <b>C</b> | 0        | 0             | 0        | 0             | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          |
| <i>LS –<br/>ĐL</i>   | <b>T</b> | -        | -             | -        | -             | -        | -          | 115      | 74,7       | 132      | 81         |
|                      | <b>H</b> | -        | -             | -        | -             | -        | -          | 39       | 25,3       | 31       | 19         |
|                      | <b>C</b> | -        | -             | -        | -             | -        | -          |          |            |          |            |
| <i>Tiếng<br/>Anh</i> | <b>T</b> | -        | -             | -        | -             | 127      | 76,5       | 104      | 67,5       | 103      | 63,2       |
|                      | <b>H</b> | -        | -             | -        | -             | 39       | 23,5       | 50       | 32,5       | 60       | 36,8       |
|                      | <b>C</b> | -        | -             | -        | -             | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          |
| <i>Tin</i>           | <b>T</b> | -        | -             | -        | -             | 127      | 76,5       | 128      | 83,1       | 123      | 75,5       |
|                      | <b>H</b> | -        | -             | -        | -             | 39       | 23,5       | 26       | 16,9       | 40       | 24,5       |
|                      | <b>C</b> | -        | -             | -        | -             | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          |
| <i>Công<br/>nghệ</i> | <b>T</b> | -        | -             | -        | -             | 127      | 76,5       | 125      | 81,2       | 120      | 73,6       |
|                      | <b>H</b> | -        | -             | -        | -             | 39       | 23,5       | 29       | 18,8       | 43       | 26,4       |
|                      | <b>C</b> | -        | -             | -        | -             | 0        | 0          | 0        | 0          | 0        | 0          |
| <i>ĐĐ</i>            | <b>T</b> | 144      | 91,7          | 162      | 94,7          | 151      | 90,9       | 150      | 94,7       | 143      | 87,7       |
|                      | <b>H</b> | 13       | 8,3           | 9        | 5,3           | 15       | 9,1        | 4        | 5,3        | 20       | 12,3       |

|          |   |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |
|----------|---|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|
| Âm nhạc  | T | 143 | 91,1 | 152 | 88,9 | 125 | 75,3 | 122 | 79,2 | 120 | 73,6 |
|          | H | 14  | 8,9  | 19  | 11,1 | 41  | 24,7 | 32  | 20,8 | 43  | 26,4 |
| Mĩ thuật | T | 143 | 91,1 | 148 | 86,5 | 125 | 75,3 | 120 | 77,9 | 120 | 73,6 |
|          | H | 14  | 8,9  | 23  | 13,5 | 41  | 24,7 | 34  | 22,1 | 43  | 26,4 |
| GDTC     | T | 140 | 89,2 | 152 | 88,9 | 145 | 87,3 | 130 | 84,4 | 132 | 81   |
|          | H | 14  | 10,8 | 19  | 11,1 | 21  | 12,7 | 24  | 15,6 | 31  | 19   |

## 2.2. Phẩm chất, năng lực

| Khối                  |                  | Khối 1 |     | Khối 2 |     | Khối 3 |     | Khối 4 |     | Khối 5 |     |      |
|-----------------------|------------------|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|------|
| Tổng số HS            |                  | 157    |     | 171    |     | 166    |     | 154    |     | 163    |     |      |
| Phẩm chất và năng lực |                  | SL     | %   | SL     | %   | SL     | %   | SL     | %   | SL     | %   |      |
| Phẩm chất             | Yêu nước         | T      | 147 | 93,6   | 164 | 95,9   | 153 | 92,2   | 154 | 100    | 143 | 87,7 |
|                       |                  | Đ      | 10  | 6,4    | 7   | 4,1    | 13  | 7,8    | 0   | 0      | 20  | 12,3 |
|                       | Nhân ái          | T      | 144 | 91,7   | 162 | 94,7   | 152 | 91,6   | 150 | 97,4   | 140 | 85,9 |
|                       |                  | Đ      | 13  | 8,3    | 9   | 5,3    | 14  | 8,4    | 4   | 2,6    | 23  | 14,1 |
|                       | Chăm chỉ         | T      | 142 | 90,4   | 162 | 94,7   | 150 | 90,3   | 115 | 74,7   | 132 | 81   |
|                       |                  | Đ      | 15  | 9,6    | 9   | 5,3    | 16  | 9,7    | 39  | 25,3   | 31  | 19   |
|                       | Trung thực       | T      | 144 | 91,7   | 155 | 90,6   | 153 | 92,2   | 151 | 98,1   | 143 | 87,7 |
|                       |                  | Đ      | 13  | 8,3    | 16  | 9,4    | 13  | 7,8    | 3   | 1,9    | 20  | 12,3 |
|                       | Trách nhiệm      | T      | 143 | 91,1   | 156 | 91,2   | 148 | 89,2   | 145 | 94,2   | 140 | 81   |
|                       |                  | Đ      | 14  | 8,9    | 15  | 8,8    | 18  | 10,8   | 9   | 5,8    | 23  | 19   |
| Năng lực chung        | Tự chủ<br>Tự học | T      | 140 | 89,2   | 148 | 86,5   | 145 | 87,3   | 108 | 70,1   | 120 | 73,6 |
|                       |                  | Đ      | 17  | 10,8   | 23  | 13,5   | 21  | 13,7   | 46  | 29,9   | 43  | 26,4 |
|                       | G tiếp<br>H tác  | T      | 136 | 86,6   | 146 | 85,4   | 140 | 84,3   | 130 | 84,4   | 123 | 75,5 |
|                       |                  | Đ      | 21  | 13,4   | 25  | 14,6   | 26  | 15,7   | 24  | 15,6   | 40  | 24,5 |
|                       | GQVĐ<br>S tạo    | T      | 133 | 84,7   | 142 | 83     | 136 | 81,9   | 115 | 74,7   | 132 | 81   |
|                       |                  | Đ      | 24  | 15,3   | 29  | 17     | 30  | 18,1   | 39  | 25,3   | 31  | 19   |
| Năng lực đặc thù      | Ngôn ngữ         | T      | 130 | 82,8   | 136 | 79,5   | 128 | 77,1   | 108 | 70,1   | 110 | 67,5 |
|                       |                  | Đ      | 27  | 17,2   | 35  | 30,5   | 38  | 22,9   | 46  | 29,9   | 53  | 32,5 |
|                       | Tính toán        | T      | 134 | 85,4   | 134 | 78,4   | 126 | 75,9   | 105 | 68,2   | 103 | 63,2 |
|                       |                  | Đ      | 23  | 14,6   | 37  | 21,6   | 40  | 24,1   | 49  | 31,8   | 36  | 36,8 |
|                       | Khoa học         | T      | 143 | 91,1   | 152 | 88,9   | 126 | 75,9   | 119 | 77,3   | 140 | 85,9 |
|                       |                  | Đ      | 14  | 8,9    | 19  | 11,1   | 40  | 24,1   | 35  | 22,7   | 23  | 14,1 |
|                       | Thẩm mĩ          | T      | 142 | 90,4   | 148 | 86,5   | 128 | 77,1   | 120 | 77,9   | 120 | 73,6 |
|                       |                  | Đ      | 15  | 9,6    | 23  | 13,5   | 38  | 22,9   | 34  | 22,1   | 43  | 26,4 |

|                      |          |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |
|----------------------|----------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|
| <i>Thể<br/>chất</i>  | <b>T</b> | 140 | 89,2 | 152 | 88,9 | 144 | 86,7 | 130 | 84,4 | 132 | 81   |
|                      | <b>Đ</b> | 17  | 10,8 | 19  | 11,1 | 20  | 13,3 | 24  | 15,6 | 31  | 19   |
| <i>Công<br/>nghệ</i> | <b>T</b> | -   | -    | -   | -    | 128 | 77,1 | 125 | 81,2 | 120 | 73,6 |
|                      | <b>Đ</b> | -   | -    | -   | -    | 38  | 22,9 | 29  | 18,8 | 43  | 26,4 |
| <i>Tin<br/>học</i>   | <b>T</b> | -   | -    | -   | -    | 128 | 77,1 | 128 | 83,1 | 123 | 75,5 |
|                      | <b>Đ</b> | -   | -    | -   | -    | 38  | 22,9 | 26  | 16,9 | 40  | 24,5 |

### 2.3. Chỉ tiêu học sinh hoàn thành chương trình lớp học và HTCTTH

- Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học:  $163/163 = 100\%$

- Hoàn thành chương trình lớp học (Lớp 1,2,3,4):  $648/648 = 100\%$

### 2.4. Chỉ tiêu khen thưởng cuối năm

+ Số học sinh xuất sắc:  $442/811$  em; tỷ lệ: 52%.

+ Số học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện:  $216/811$  em; tỷ lệ 26%

## IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học 2025 - 2026

### 1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục.

(Phụ lục 1.1 có văn bản kèm theo)

### 2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học.

#### 2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

(Phụ lục 1.2 có văn bản kèm theo)

#### 2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.

(Phụ lục 1.3 có văn bản kèm theo)

#### 2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường: Các điểm trường thực hiện đồng loạt các hoạt động như điểm trường chính.

### 3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Ngày tựu trường: 22/8/2025 đối với lớp 1; 29/8/2025 với lớp 2,3,4,5

- Ngày khai giảng: 05/9/2025

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2025 đến ngày 17/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 đến trước ngày 25/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Ngày kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2026.

Khung thời gian thực hiện các tuần chuyên môn trong năm học của trường:

|                      | <b>Tuần<br/>CM</b>           | <b>Thời gian thực hiện</b>   | <b>Ghi chú</b>  |
|----------------------|------------------------------|--|---|
| <b>HỌC KỲ I</b>      | <b>1</b>                     | Từ 5/9/2025 đến 12/9/2025  | <i>5/9: Khai giảng năm học mới.<br/>Thực dạy CT tuần 1 từ 8/9/2025-<br/>&gt;12/9/2025</i> |
|                      | <b>2</b>                     | Từ 15/9/2025 đến 19/9/2025   |   |
|                      | <b>3</b>                     | Từ 22/9/2025 đến 26/9/2025   |   |
|                      | <b>4</b>                     | Từ 29/9/2025 đến 3/10/2025   |   |
|                      | <b>5</b>                     | Từ 6/10/2025 đến 10/10/2025  | <i>Nghỉ sáng ngày 6/10 HSTN<br/>Trung thu- dạy bù vào chiều<br/>thứ 6 (10/10)</i>         |
|                      | <b>6</b>                     | Từ 13/10/2025 đến 17/10/2025   | <i>Kỉ niệm 15/10 vào tiết SHDC</i>  |
|                      | <b>7</b>                     | Từ 20/10/2025 đến 24/10/2025   | <i>Kỉ niệm 20/10 vào tiết SHDC</i>  |
|                      | <b>8</b>                     | Từ 27/10/2025 đến 31/10/2025   |   |
|                      | <b>9</b>                     | Từ 03/11/2025 đến 7/11/2025  |   |
|                      | <b>10</b>                    | Từ 10/11/2025 đến 14/11/2025   |   |
|                      | <b>11</b>                    | Từ 17/11/2025 đến 21/11/2025   | <i>Kỉ niệm 20/11 vào tiết SHDC</i>  |
|                      | <b>12</b>                    | Từ 24/11/2025 đến 28/11/2025   |   |
|                      | <b>13</b>                    | Từ 01/12/2025 đến 5/12/2025  |   |
|                      | <b>14</b>                    | Từ 8/12/2025 đến 12/12/2025  |   |
|                      | <b>15</b>                    | Từ 15/12/2025 đến 19/12/2025   |   |
|                      | <b>16</b>                    | Từ 22/12/2025 đến 26/12/2025   |   |
|                      | <b>17</b>                    | Từ 29/12/2025 đến 5/01/2026  | <i>01/01/2026:Nghỉ Tết dương<br/>lich. Dạy bù sang ngày<br/>5/01/2026</i>                 |
|                      | <b>18</b>                    | Từ 6/01/2026 đến 12/01/2026  |   |
| <b>Dự<br/>phòng</b>  | Từ 13/01/2026 đến 16/01/2026 | <i>Tổ chức hội thi, giao lưu, trải<br/>nghiệm,<br/>Sơ kết Học kỳ I,...</i> |   |
| <b>HỌC KỲ<br/>II</b> | <b>19</b>                    | Từ 19/01/2026 đến 23/01/2026   |   |
|                      | <b>20</b>                    | Từ 26/01/2026 đến 30/01/2026   |   |
|                      | <b>21</b>                    | Từ 02/02/2026 đến 06/02/2026   |   |
|                      | <b>22</b>                    | Từ 9/02/2026 đến 13/02/2026  |   |
|                      |                              | Từ 16/02/2026 đến 20/02/2026   | <i>Nghỉ Tết Nguyên Đán</i>  |
|                      | <b>23</b>                    | Từ 23/02/2026 đến 27/02/2026   |   |
|                      | <b>24</b>                    | Từ 02/03/2026 đến 06/3/2026  | <i>Kỉ niệm 8/3 vào tiết SHDC</i>  |
|                      | <b>25</b>                    | Từ 9/03/2026 đến 13/3/2026   |   |
|                      | <b>26</b>                    | Từ 16/03/2026 đến 20/03/2026   |   |

|  |                 |                              |  |
|--|-----------------|------------------------------|--|
|  | <b>27</b>       | Từ 23/03/2026 đến 27/03/2026 | <i>Kỉ niệm 26/3 vào tiết SHDC</i>  |
|  | <b>28</b>       | Từ 30/03/2026 đến 03/4/2026  |  |
|  | <b>29</b>       | Từ 06/4/2026 đến 10/4/2026   |  |
|  | <b>30</b>       | Từ 13/4/2026 đến 17/4/2026   |  |
|  | <b>31</b>       | Từ 20/4/2026 đến 24/4/2026   |  |
|  | <b>32</b>       | Từ 28/4/2026 đến 6/5/2026    | <i>Nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương vào 27/4. Ngày lễ 30/4; 01/5: Dạy đầy ngày bù sang chiều thứ 6 Tuần 29,30,31,33,34,35.</i> |
|  | <b>33</b>       | Từ 4/5/2026 đến 8/5/2026     |  |
|  | <b>34</b>       | Từ 11/5/2026 đến 15/5/2026   |  |
|  | <b>35</b>       | Từ 18/5/2026 đến 22/5/2026   |  |
|  | <b>Dự phòng</b> | Từ 25/5/2026 đến 29/5/2026   | <i>Các hoạt động khác; TK năm học, ...</i>   |

\* **Thời gian biểu hàng ngày:** Căn cứ công văn số 456/SGDDĐT-CTHSSV ngày 21/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình (Thời tiết mùa hè như bảng dưới đây. Còn thời tiết mùa đông thì buổi sáng vào muộn hơn 15 phút và kết thúc muộn hơn 15 phút, buổi chiều vào học sớm hơn 15 phút và kết thúc sớm hơn 15 phút)

| <b>Thời gian buổi sáng</b> |                  | <b>Thời gian buổi chiều</b> |                 |
|----------------------------|------------------|-----------------------------|-----------------|
| <b>Thời gian</b>           | <b>Nội dung</b>  | <b>Thời gian</b>            | <b>Nội dung</b> |
| 7h - 7h10                  | Lao động vệ sinh |                             |                 |
| 7h10 – 7h30                | Truy bài         | 13h45- 14h                  | Truy bài        |
| 7h30 - 8h5                 | Tiết 1           | 14h- 14h35                  | Tiết 1          |
| 8h10 – 8h45                | Tiết 2           | 14h40 – 15h15               | Tiết 2          |
| 8h45 - 9h5                 | Ra chơi          | 15h15 - 15h30               | Ra chơi         |
| 9h5- 9h40                  | Tiết 3           | 15h30 - 16h5                | Tiết 3          |
| 9h45-10h20                 | Tiết 4           | 16h5                        | Tan học         |
| 10h20                      | Tan học          |                             |                 |

**4. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục:** Học sinh toàn trường học 9 buổi/tuần.;

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4 có file đính kèm)

b) Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục *(Có văn bản kèm theo)*

### **5. Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày**

- Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ ngày với học sinh theo đúng công văn số: 455/SGDDĐT-GDTH ngày 13/8/2025 của Sở GDĐT Ninh Bình, đảm bảo mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết học 35 phút.

- Buổi 1: Tổ chức dạy đúng, đủ nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

- Hoạt động giáo dục sau giờ học chính thức: Căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học chính thức trong ngày. Thời gian tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính thức được bố trí linh hoạt đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh ...

- Quy định về nội dung dạy học đối với các tiết củng cố, tăng cường

+ Môn Toán, Tiếng Việt: Giáo viên thiết kế nội dung củng cố bám sát CT GDPT2018 (với số tiết đã quy định đối với từng khối lớp).

+ Tiết Đọc thư viện: Tại thư viện trường (với số tiết đã quy định đối với từng khối lớp).

+ Tiết Âm nhạc tăng cường, Mĩ thuật tăng cường, TA tăng cường, ... (với số tiết đã quy định đối với từng khối lớp).

### **6. Chương trình hoạt động trải nghiệm**

#### **6.1. Tổ chức tiết sinh hoạt lớp**

a. Thời gian tổ chức: Giáo viên tổ chức vào tiết Sinh hoạt lớp cuối tuần (35 tiết/năm).

b. Nội dung: Nội dung hoạt động trải nghiệm tập trung vào các nội dung:

- Sinh hoạt Chi đội, Sao Nhi đồng theo định kỳ: 2 tuần/lần theo các tuần chẵn.

- SH lớp: 2 tuần/lần theo tuần lễ.
- GVCN kết hợp với tổng phụ trách đội tổ chức thực hiện theo nội dung phụ lục, chú trọng hình thành các năng lực phẩm chất cho học sinh.

### **6.2. Hoạt động trải nghiệm toàn trường trong tiết chào cờ đầu tuần**

a. Thời gian: Sáng thứ 2 hàng tuần (35 tiết/năm).

b. Nội dung:

- Tổ chức giáo dục các kỹ năng sống theo tình hình thực tế của trường từng thời điểm diễn ra trong tuần hiện tại.
- Tổ chức các hoạt động giao lưu: Giao lưu Tiếng Anh; giao lưu văn nghệ; giao lưu đọc sách; giao lưu kể chuyện đạo đức;...
- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về An toàn giao thông; tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích; tuyên truyền về xây dựng trường học an toàn, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, xây dựng đạo đức học đường.
- Tổ chức các hoạt động giao lưu năng khiếu: múa, hát, kể chuyện, đọc thơ...
- Tổ chức giao lưu Trò chơi dân gian.

c. Thành phần tham gia:

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia.
- Mời thường trực Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia.

### **6.3. Hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm (Tổ chức vào các ngày lễ kỷ niệm trong năm)**

Thực hiện theo kế hoạch của tổng phụ trách và kế hoạch của từng khối lớp. Bao gồm các nội dung: Hoạt động theo chủ điểm, Giáo dục kỹ năng sống theo tài liệu GDKN sống và tài liệu An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ, Bác Hồ với những bài học đạo đức...

Ngoài các tiết GDNGLL theo quy định đối với các khối lớp, nhà trường giao cho chuyên môn phối hợp với Tổng phụ trách đội xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp cụ thể chi tiết, về thời gian nội dung để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, giao lưu, các sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực học sinh như: Liên hoan Tiếng hát dân ca giáo viên và học sinh, Giao lưu tìm hiểu An toàn giao thông, Câu lạc bộ tiếng Anh, Tin học, Olympic cấp học, rung chuông vàng...trên tinh thần tự nguyện tham gia của học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và nội dung học tập của học sinh, không gây áp lực và căng thẳng cho học sinh.

Tổ chức trải nghiệm ngoài nhà trường đi tham quan các di tích lịch sử, khu sinh thái, bảo tàng Đồng quê,... Nhà trường phối kết hợp với ban thường trực hội CMHS và ban chấp hành đoàn xã để tổ chức phù hợp và hiệu quả.

Các nội dung trên được lồng ghép vào tiết sinh hoạt dưới cờ trong tuần hoặc tổ chức vào cùng thời điểm học bù vào các buổi chiều còn trống tiết.

## **V. Các giải pháp nhằm phát triển chương trình GD nhà trường**

### **1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục**

#### **1.1. Thực hiện đúng biên chế năm học**

Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

**1.2. Thực hiện đảm bảo Chương trình GDPT 2018 phù hợp với thực tế của nhà trường.**

Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục khác phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương.

Tổ chức thực hiện dạy lồng ghép hiệu quả nội dung “Giáo dục địa phương” ở cấp tiểu học theo đúng nội dung các Công văn chỉ đạo của SGD&ĐT.

Tổ chức thực hiện dạy lồng ghép hiệu quả nội dung “Quốc phòng, An ninh” đảm bảo phù hợp với tâm sinh lí của học sinh tiểu học, phù hợp với chương trình GDPT theo đúng nội dung Thông tư 08/TT-BGDĐT và các văn chỉ đạo của SGD&ĐT.

Tổ chức dạy học có hiệu quả ngoài không gian lớp học, dạy học tại thư viện theo đúng nội dung các Công văn chỉ đạo của cấp trên.

Tích cực, chủ động tham mưu chính quyền địa phương quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Có thể tham khảo những nội dung giáo dục tiên tiến của các nước có nền giáo dục phát triển để đưa vào kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế của nhà trường, địa phương.

Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

Điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lí nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh các vùng miền, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế.

Thực hiện chương trình dạy học 9 buổi/tuần đối với tất cả các khối, lập kế hoạch dạy học, sắp xếp thời khoá biểu phù hợp theo hướng tăng quyền chủ động cho GV, đồng thời bố trí các tiết dạy hợp lý, phù hợp tâm sinh lý HS, tình hình

thực tế của trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch GD theo định hướng phát triển năng lực HS.

Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh. Chú trọng GD đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn, Đội để GD học sinh một cách thiết thực, hiệu quả.

Xây dựng chương trình dạy học, sắp xếp thời khóa biểu, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh. Tích cực đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động GD với phương châm “nhẹ nhàng - tự nhiên - hiệu quả”, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Đảm bảo yêu cầu chuẩn KT- KN và phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường.

Bố trí hợp lý HĐTN, HĐ GDNGLL để triển khai các nội dung giáo dục an toàn giao thông, kỹ năng sống như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng rửa tay với xà phòng, kỹ năng phòng tránh đuối nước... Tổ chức đọc sách và các nội dung theo chủ đề tháng.

Triển khai thực hiện giáo dục STEM theo CTGDPT cấp Tiểu học phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, không gây áp lực, quá tải cho học sinh và giáo viên (8 tiết/năm/ khối).

**1.3. Liên kết phối hợp với Công ty được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình cho phép hợp tác triển khai chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh của trường theo đúng Công văn số: 590/ SGDDT-CTHSSV ngày 22/8/2025 Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.**

- Đối tượng, hình thức và thời gian học:

Đối tượng: Học sinh khối 1,2,3,4,5.

Thời lượng: Theo quy định và thỏa thuận.

Thời gian: Từ ngày 8/9/2025 đến 31/5/2026 vào chiều thứ 6 hàng tuần

- Chương trình học: Công ty kí hợp đồng sẽ chuyển giao toàn bộ chương trình cho giáo viên của trường.

- Giáo viên giảng dạy: Là giáo viên của trường đã được tập huấn về giảng dạy Kỹ năng sống.

## **2. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục NGLL**

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của HS thông qua hoạt động GDNGLL, Giáo dục kỹ năng sống. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng

giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước)...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Tổng phụ trách Đội phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tham gia đi thực tế gia đình HS, phối hợp với cha mẹ HS tổ chức các hoạt động ngoại khóa thực hành trải nghiệm: Làm bánh nhãn tiến vua, bánh chưng trồng rau... cho học sinh khối 3, 4,5 để hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất.

### **3. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.**

- Đầu năm học GVCN Lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh khuyết tật của lớp mình nộp về nhà trường tổng hợp. Hàng tháng giáo viên theo dõi sự tiến bộ học sinh. Giáo viên luôn quan tâm, giúp đỡ học sinh đó để học sinh đó được học, động viên khi các em có sự tiến bộ.

- Tổ chức cho giáo viên đăng ký nhận đỡ đầu cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Mỗi giáo viên nhận đỡ đầu học sinh có nhiệm vụ theo dõi giúp đỡ cả về tinh thần, học tập, phẩm chất, năng lực và cả hỗ trợ về vật chất như tặng quần áo, sách vở, gạo, bánh vào các dịp đầu năm học, tết Nguyên Đán, cuối năm học.

- Đối với những học sinh có khó khăn về học tập, giáo viên cần qua sát kỹ lưỡng, khi phát hiện được cần thông báo với phụ huynh để có sự phối hợp giúp đỡ; không yêu cầu cao và tạo áp lực đối với học sinh còn hạn chế về năng lực học tập. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí giáo viên đỡ đầu và giúp đỡ học sinh.

- Nắm bắt hoàn cảnh từng gia đình của từng em và xem em đó cần giúp đỡ vấn đề gì? Để kết hợp cùng gia đình giúp đỡ. Thường xuyên theo dõi, động viên khích lệ, hỗ trợ về tinh thần cũng như vật chất để em đó vượt qua mọi hoàn cảnh vươn lên học tập tốt hơn.

- Chỉ đạo giáo viên linh hoạt trong tổ chức dạy học, đánh giá phù hợp với từng loại khuyết tật, từng hoàn cảnh. Không đánh giá HS khuyết tật như học sinh bình thường khác mà chỉ ghi nhận những tiến bộ hoặc mặt sở trường của từng em. 06/06 học sinh khuyết tật có Hồ sơ chứng nhận khuyết tật được UBND xã Giao Minh xác nhận. Nhà trường lập và sử dụng cuốn Sổ theo dõi HS khuyết tật theo mẫu quy định.

#### **4. Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh Tiểu học**

Tiếp thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 về đánh giá học sinh tiểu học.

Thực hiện bàn giao chất lượng GD cuối năm học một cách nghiêm túc, kiên quyết không để HS “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng HS thực chất, đúng quy định.

#### **5. Đổi mới công tác quản lý, công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ**

- Tổ chức và thực hiện tốt quy chế dân chủ, chế độ công khai tài chính, thu, chi minh bạch trong nhà trường, đáp ứng đầy đủ mọi quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định, cho cán bộ giáo viên công nhân viên, tạo sự đoàn kết nhất trí cao trong tập thể nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc các khoản thu theo Công văn hướng dẫn của cấp trên đầu năm học, tuyệt đối không thu trái quy định, thu vượt mức cho phép đối với các khoản thu từ vận động xã hội hóa trên tinh thần tự nguyện của CMHS và toàn xã hội.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý ở tiểu học (phần mềm quản lý phổ cập giáo dục, phần mềm thống kê báo cáo định kỳ EQMS, phần mềm quản lý trường học, học bạ số,...); thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo định kỳ đầu năm, giữa năm và cuối năm học. Tăng cường công tác tham mưu để xây dựng Cơ sở vật chất nhà trường.

- Đổi mới công tác thi đua khen thưởng, kịp thời khen thưởng những nhân tố tích cực, phê bình những cá nhân tiêu cực.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong trường học gắn liền với thực hiện dân chủ cơ sở, bảo đảm minh bạch. Đảm bảo kỷ cương trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nhằm phát triển giáo dục tiểu học theo định hướng ổn định, nề nếp, chất lượng.

- Xây dựng, củng cố đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng. Tham gia và tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về quan điểm, nội dung đổi mới giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 29/NQ-TW.

- Hàng năm nhà trường làm tốt công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn (Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học), trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực. Động viên giáo viên tham gia học nâng cao trình độ đáp ứng chuẩn GV Tiểu học theo luật GD. Tổ chức cho giáo viên đăng ký tự học, tự bồi dưỡng (chủ yếu qua mạng Internet), học các mô đun bồi dưỡng thường xuyên theo hướng dẫn của

Sở, qua trang mạng “Trường học kết nối” để tự hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học.

- Tổ chức, tham gia hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối chuyên môn trong trường, cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên đề trao đổi chuyên môn. Các buổi sinh hoạt chuyên đề có kế hoạch cụ thể, phân công người dạy thể nghiệm, người báo cáo hoặc thể nghiệm chuyên đề, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả việc bồi dưỡng, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ qua “Trường học kết nối”

- Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo Điều lệ Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp học phổ thông và giáo dục thường xuyên; Chọn cử, bồi dưỡng giáo viên để tham gia dự thi GV dạy giỏi các cấp có hiệu quả.

- Tham mưu với cấp trên tăng cường thêm đội ngũ giáo viên để đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 1 GV dạy văn hóa/lớp. (Hiện nay nhà trường còn thiếu 01 GV Tiếng anh).

## **6. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

Đầu năm học nhà trường tiến hành rà soát, sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu; tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học đã được đầu tư. Tổ chức cho cán bộ giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh cùng làm đồ dùng dạy học. Khai thác các nguồn lực để từng bước đầu tư các thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học; Hàng tháng tổ chức kiểm tra, đánh giá cụ thể việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học của giáo viên trên lớp một cách cụ thể. Tham mưu với UBND xã mua sắm bàn, ghế, tu sửa nhà vệ sinh, làm mái tôn chống giột cho 2 dãy nhà cao tầng ở khu B.

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học,... để thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Tăng cường thực hiện xã hội hóa giáo dục vận động, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng, cải tạo cảnh quan trường học đáp ứng chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp- An toàn.

Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường.

## **7. Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học**

- Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập, từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được sắp đặt sẵn.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú ý rèn luyện cho HS những tri thức phương pháp để HS biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học theo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Chuyên môn nhà trường, tổ chuyên môn dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận, xây dựng rút kinh nghiệm ở tổ.

- Phụ trách chuyên môn nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chuyên môn thảo luận để mỗi giáo viên dạy các môn TNXH lớp 1,2,3 và Khoa học lớp 4,5 thiết kế các tiết dạy, bài dạy, chủ đề áp dụng PP BTNB; tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành các thí nghiệm với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện. Giáo viên đăng ký các tiết dạy cụ thể và thể hiện trong bài soạn. Xây dựng kế hoạch dạy học trên nguyên tắc đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng được quy định trong chương trình giáo dục Tiểu học đối với môn TN&XH, Khoa học. Các khối tổ chuyên môn chủ động lựa chọn nội dung, chủ đề dạy học Kế hoạch phải được lãnh đạo nhà trường phê duyệt.

- Nhà trường tiến hành mua sắm về CSVC, TBDH cho các lớp.

- Phân công giáo viên dạy lớp phù hợp với năng lực, kinh nghiệm. Ngay sau khi tập huấn các khối trưởng cùng các thành viên thống nhất xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục các môn học theo chương trình GDPT 2018 phù hợp với thực tiễn đơn vị.

- Phối hợp với CMHS về việc thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh, trao đổi với CMHS cách hướng dẫn con em mình tự học ở nhà theo đúng chương trình GDPT 2018.

**8. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng.**

- Trong mỗi tiết dạy, Giáo viên dạy văn hoá các lớp cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập của lớp mình.

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp múa, vẽ, bóng đá, bơi... để phát triển năng khiếu bản thân.

Các môn năng khiếu hát, múa: đ/c Nguyễn Thị Hoa Diên phụ trách.

Môn TDTT: đ/c Trần Thị Quế phụ trách

Môn Mỹ thuật: đ/c Lê Thị Huế phụ trách

Viết chữ đẹp: đ/c Trần Thị Thơm - Khối 2; đ/c Phạm Thị Vóc - Khối 3; đ/c Vũ Thị Kiều Lê - Khối 4; đ/c Vũ Ngọc Lan - Khối 5.

Môn Anh văn: Đ/c Chi, Nhung phụ trách

Môn Tin học: Đ/c Huế phụ trách

**\* Các cuộc giao lưu trong năm học 2025 -2026.**

- Đ/c Lê Xuân Quý - Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu:

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phân công giáo viên dạy, lên thời khóa biểu, kiểm tra giáo viên.

+ Cùng với tổ chuyên môn tham dự các buổi chuyên đề liên quan đến công tác bồi dưỡng học sinh.

+ Theo dõi chất lượng các lớp bồi dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng đội tuyển, đánh giá đề xuất lựa chọn, bổ sung học sinh.

**9. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp

học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

Tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### **1. Phân công thực hiện**

#### **1.1. Đối với Hiệu trưởng**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền và thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công các Phó hiệu trưởng phụ trách khu, phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

#### **1.2. Đối với phó hiệu trưởng**

- Đ/c Trần Thị Quế - PHT - Phụ trách khu A; Phụ trách các phần mềm quản lý trong nhà trường (CSDL, Đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV; Phổ cập GD...) trang Web, Thống kê báo cáo. Phụ trách khu A CM tổ 1 và tổ 2+3, phụ trách ban tư vấn tâm lý học đường và trực khu A. Chỉ đạo và xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học, không gây quá tải cho HS.

- Đ/c Lê Xuân Quý - PHT - Phụ trách khu B: Phụ trách công tác Đảng, KĐCL, Công tác CTTT, Trang trí lớp; Xây dựng và phát huy các chuẩn. Công tác Kiểm tra nội bộ, Phụ trách công tác phát hành. Xây dựng các hoạt động NGLL, HĐ trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS nhận thức chậm. Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn. Đồ dùng dạy học, thiết bị, thư viện, Phụ trách BDTX, CNTT; Môn Tin học, Âm nhạc, Mỹ Thuật, Các CLB. Phụ trách các cuộc giao lưu. Trực các khu khi được phân công.

#### **1.3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn:**

Đ/c Phạm Thị Hạnh (TT tổ 1) Đ/c Trần Thị Trang (tổ phó tổ 1); đ/c Trần Thị Thơm (Tổ phó tổ 2,3 - Khối trưởng khối 2); đ/c Phạm Thị Vóc (TT tổ 2,3 - Khối trưởng khối 3); đ/c Vũ Thị Kiều Lệ (Tổ phó tổ 4,5 - Khối trưởng khối 4); đ/c Vũ Ngọc Lan (TT tổ 4,5 - Khối trưởng khối 5). Các đ/c tổ trưởng có nhiệm vụ:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch của tổ chuyên môn.
- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình GDPT 2018.
- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng GV của tổ.
- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công của nhà trường.
- Tổng hợp các chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.
- Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi HT phân công.

#### **1.4. Đối với giáo viên**

- Thực hiện các nhiệm vụ của GV
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, Liên đội tham gia các hoạt động NGLL trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất.

#### **1.5. Đối với Tổng phụ trách Đội:**

Đ/c Phạm Thị Hạnh (GVVH) là TPT phụ trách khu A và đ/c Vũ Thị Kim Chi (GVTA) là TPT chính phụ trách khu B. Các đ/c có trách nhiệm:

- Kết hợp với phó hiệu trưởng, khối trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các HĐNGLL. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho HS để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự

kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng HS; lộ trình và thời gian (bắt đầu-kết thúc).

- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của liên đội.

### **1.6. Đối với nhân viên phụ trách Thư viện, Thiết bị**

Đ/c Vũ Thị Tươi- nhân viên văn thư kiêm phụ trách thư viện có nhiệm vụ:

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Khuyến khích HS tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách. (Về thời điểm, cách tổ chức, thành phần cần phối hợp để tổ chức...) để bảo đảm hiệu quả hoạt động.

### **1.7. Nhân viên phụ trách công tác Văn thư, Kế toán, y tế học đường**

Đ/c Vũ Thị Tươi nhân viên văn thư; đ/c Nguyễn Thu Hương nhân viên kế toán; đ/c Vũ Thị Phương Mai nhân viên y tế. các đ/c có nhiệm vụ:

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của văn thư, kế toán trường học; Tham mưu kịp thời với Hiệu trưởng công tác tài chính, việc mua sắm các trang thiết bị phục vụ việc dạy và học; Thực hiện lưu trữ đầy đủ các công văn, kế hoạch, thông tư, chỉ thị... chỉ đạo của các cấp trên theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động y tế trong năm học; Xây dựng kế hoạch mua sắm các trang thiết bị y tế, các loại thuốc phục vụ cho việc hỗ trợ chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho học sinh; riển khai tuyên truyền đến học sinh các bệnh thường gặp và cách phòng tránh bệnh học đường.

## **2. Công tác kiểm tra, giám sát**

- Kiểm tra chuyên môn: Theo kế hoạch tháng.
- Kiểm tra hoạt động dạy học kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Kiểm tra nội bộ: Theo kế hoạch.

- Kiểm tra chuyên đề: Theo kế hoạch tháng.

- Kiểm tra các hoạt động GDNGLL: Theo kế hoạch tháng.

## **3. Chế độ báo cáo**

- Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới;

- Sơ kết từng học kỳ;

- Tổng kết cuối năm;

- Báo cáo theo yêu cầu của ngành.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của nhà trường. Yêu cầu toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ để xây dựng kế hoạch cá nhân nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu kế hoạch đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì liên hệ trực tiếp với Ban giám hiệu để thống nhất và thực hiện.

**Nơi nhận:**

- SGD&ĐT: (để báo cáo);
- Phòng VH-XH xã: (để báo cáo);
- Các tổ CM: (để thực hiện);
- Lưu : VT;

**Hiệu trưởng**



**Vũ Bình Xuyên**